

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 20-10-2021

“V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Ông Nguyễn Thiện Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 12-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố TA bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Lê Ngọc H, sinh năm 1989.

Thường trú: 204/21 Quốc lộ 62, P2, thành phố TA, tỉnh LA.

Tạm trú: 344 ấp Bình Nam, xã BT, thành phố TA, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Ngô Lê Duy, sinh năm 1989.

Thường trú: 204/21 Quốc lộ 62, P2, thành phố TA, tỉnh LA.

Tạm trú: 90 Huỳnh Văn Gấm, P2, thành phố TA, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Bà Bùi Lê Ngọc H.

(Bà H, ông Duy có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Lê Ngọc H trình bày:

Bà và ông Ngô Lê Duy đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh LA. Theo Quyết định này, sau khi ly hôn, ông Ngô Lê Duy là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Bùi Đức H1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2014, bà không phải cấp dưỡng nuôi con; bà được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc mà không ai được cản trở.

Lý do bà đồng ý để ông Duy trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 trên mặt giấy tờ khi đó là do bà mong muốn ông Duy không còn tạm trú ở Sài Gòn và không đánh bi-da nữa mà sẽ chú tâm nuôi dưỡng, giáo dục và gần gũi con hơn. Tuy nhiên, kể từ ngày ly hôn cho đến nay, ông Duy vẫn không thay đổi định hướng cuộc sống và không gần gũi chăm sóc con mà để ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian cháu H1 sống cùng cha và ông bà nội, bà cũng thường xuyên tới lui đưa rước, chăm sóc, nuôi dạy con; cháu H1 ba ngày sống bên nội, ba ngày sống bên mẹ (là bà); không bị ai cản trở. Trong năm 2020, có lần cháu H1 bị bệnh và đang ở cùng với mẹ nhưng ông bà nội vẫn khẳng định về không cho bà chăm sóc con nên hai bên có lời qua tiếng lại với nhau. Bà xác định cháu H1 vẫn đang phát triển rất bình thường nhưng điều kiện sống hiện nay của cháu H1 không tốt vì ông Duy không ở bên cạnh chăm sóc, cha mẹ ông Duy đã bán nhà, đang ở nhà thuê và đang bị đòi nợ nên không đảm bảo cuộc sống tốt cho cháu H1. Trong khi đó, bà có chuyên môn sư phạm, có công việc ổn định, có tài sản đảm bảo cho con sinh sống, tạo sự an tâm, ổn định cho con phát triển bình thường tới khi trưởng thành. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giao con chung tên Ngô Bùi Đức H1 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đồng thời không yêu cầu ông Duy cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai nội dung sự việc ngày 24/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Ngô Lê Duy trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà H về việc thuận tình ly hôn, về con chung và người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân thành phố TA. Sau khi ly hôn, ông vẫn sống chung với con và cha mẹ ông tại P2, thành phố TA, tỉnh LA. Cháu H1 từ khi được sinh ra tới khi vợ chồng ông ly hôn đều sống bên nhà nội, do cha mẹ ông trực tiếp chăm sóc bởi vì cả ông và bà H đều phải đi làm. Sau khi ly hôn, ông và cha mẹ ông cũng chăm sóc cho cháu H1 đàng hoàng, chu đáo, cụ thể: cháu H1 phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, kết quả học tập rất tốt. Gia đình ông cũng tạo điều kiện cho bà H và bên ngoại thường xuyên thăm nom, đưa rước, chăm sóc cháu, không khi nào cản trở, ngăn cấm; bà H cũng thừa nhận việc này.

Trước đây, nghề nghiệp của ông là tài xế của một Công ty tại LA. Đầu năm 2020 đến nay, ông là vận động viên bi-da, thi đấu cho Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bình Dương. Thu nhập hàng tháng của ông khoảng 10 triệu đến 12 triệu đồng, tùy thời gian thi đấu, tập luyện. Do ông là vận động viên phải tập luyện, thi đấu xa nhà

nên cha mẹ là người hỗ trợ chăm sóc cho cháu H1, chứ không phải ông bỏ mặc con. Để đảm bảo không xáo trộn cuộc sống của con, ông đề nghị Tòa án giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 12-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố TA đã căn cứ vào Khoản 3 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Lê Ngọc H về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với ông Ngô Lê Duy.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Lê Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004984 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TA, tỉnh LA sang thi hành án phí.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 18/5/2021, bà Bùi Lê Ngọc H kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm với lý do phía ông Duy không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tên Ngô Bùi Đức H1, sinh ngày 14/11/2014 và giao cho ông bà nội chăm sóc. Từ khi ly hôn ông bà chăm sóc không tốt, cháu mắc nhiều bệnh nên bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và các đương sự tranh luận như sau:

- *Bà Bùi Lê Ngọc H trình bày tranh luận:* Ông Ngô Lê Duy đi làm xa thường xuyên, không trực tiếp chăm sóc con chung mà để cho ông bà nội cháu chăm sóc, nuôi dưỡng, trong khi ông bà nội đã già đồng thời phải chăm sóc ông nội của ông Duy đã hơn 80 tuổi; ông Duy không có chỗ ở ổn định và có phần mắc nợ. Trong khi bà làm việc tại TA, có thu nhập ổn định, có đất và sẽ cất nhà vào năm tới, có khoản tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng; đồng thời có đứng tên nhóm trẻ mẫu giáo Ánh Dương. Khi được trực tiếp nuôi con chung bà sẽ gửi cho ông bà ngoại của cháu trong thời gian bà đi làm, ban đêm bà sẽ chăm sóc, dạy cháu học. Vì vậy, bà tha thiết đề nghị ông Duy chấp nhận để bà trực tiếp nuôi con chung, nếu được trực tiếp nuôi con chung bà sẽ vẫn giữ nguyên hiện trạng con chung sống với ông bà nội như hiện nay.

- *Ông Ngô Lê Duy trình bày tranh luận:* Ông không đồng ý giao con cho bà H nuôi về mặt pháp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Xét thấy ông Ngô Lê Duy thường xuyên làm việc xa không gần gũi con mà để cho ông bà nội chăm sóc, giáo dục, trong khi ông bà nội ngày càng lớn tuổi; ông Duy không có nhà để ở mà phải ở trọ. Bà Bùi Lê Ngọc H có điều kiện hơn như có đất tọa lạc tại xã BT, thành phố TA, có khoản tiền tiết kiệm; đồng thời có thu nhập ổn định làm việc tại TA. Bên cạnh đó, cháu H1 cũng có nguyện vọng sống với bà H. Từ đó thấy rằng, bà H có điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt hơn ông Duy nên án sơ thẩm xét xử bác yêu cầu của bà H là chưa đủ căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để cải sửa toàn bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Bùi Lê Ngọc H kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bà Bùi Lê Ngọc H và ông Ngô Lê Duy đều có hộ khẩu thường trú và thực tế sinh sống tại thành phố TA nên Tòa án nhân dân thành phố TA thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh LA thì bà Bùi Lê Ngọc H và ông Ngô Lê Duy đã ly hôn; đồng thời có 01 con chung tên Ngô Bùi Đức H1, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2014 do ông Ngô Lê Duy trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên đương sự đều thừa nhận rằng con chung sống cùng gia đình bên ông Duy từ khi sinh ra đến nay; trong thời gian ông Duy nuôi dưỡng con chung có sự hỗ trợ từ cha mẹ ruột ông Duy (ông Ngô Trọng Hiếu và bà Lê Thị Ngọc Sương), bà H vẫn đến rước con về sống bên bà H 03 ngày trong một tuần, không bị cản trở. Vì vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bên cạnh đó, bà H cũng thừa nhận rằng trong thời gian ông Duy trực tiếp nuôi dưỡng thì cháu H1 vẫn phát triển bình thường. Hiện cháu H1 đang học lớp 2/2 theo xác nhận của Trường Tiểu học TA ngày 14/10/2021.

[2.3] Bà H có xuất trình Hợp đồng lao động số 10/10/2018/HĐLĐ/DP ngày 01/10/2018 giữa Công ty TNHH TM DV Dũng Phong thể hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn có hiệu lực từ ngày ngày 01/10/2018; theo Giấy xác nhận thu nhập ngày 22/10/2020 của Công ty TNHH TM DV Dũng Phong thì bà H có thu nhập 9.820.000 đồng/tháng; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DB 331431 ngày 09/3/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LA cấp cho bà H thì bà H có quyền sử dụng thửa đất số 775, tờ bản đồ số 14, diện tích 218m², tọa lạc tại xã BT, thành phố TA; đồng thời theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã An Nhứt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh LA thì bà H là chủ nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục Ánh Dương. Tuy nhiên, ông Duy cũng có Hợp đồng vận động viên thể thao số 634/HĐ-TTHLTĐTDTT ngày 31/12/2020 giữa Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao – Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa bà H thừa nhận tuy đã có quyền sử dụng đất nhưng chưa có nhà, đang tạm trú tại nhà cha mẹ ruột. Do đó, về điều kiện này xét thấy giữa bà H và ông Duy là như nhau. Bà H cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh là chủ sở hữu cơ sở lớp mẫu giáo độc lập tư thục Ánh Dương mà chỉ là người đứng tên giấy tờ pháp lý.

[2.4] Mặt khác, bà H cũng thừa nhận rằng khi được quyền trực tiếp nuôi con thì cũng được gia đình cha mẹ ruột bà H hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung trong thời gian bà H đi làm. Điều này cũng không khác với điều kiện của ông Duy là gửi con chung cho cha mẹ ruột ông Duy trông nom thay trong thời gian đi làm. Vì thế, việc bà H cho rằng ông Duy không thường xuyên gần gũi con chung để yêu cầu thay đổi nuôi con là không có cơ sở.

[2.5] Hiện cháu H1 chưa đủ 7 tuổi nên không thể áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét nguyện vọng của con chung.

Từ đó thấy rằng, lý do duy nhất bà H yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con là do bà H mâu thuẫn với gia đình bên ruột ông Duy. Việc yêu cầu thay đổi nuôi con chung này của bà H không xuất phát từ quyền lợi của con chung nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận mà cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định tâm, sinh lý của trẻ; đồng thời vẫn đảm bảo được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc con chung của bà Bùi Lê Ngọc H. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA là chưa phù hợp.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên không được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Lê Ngọc H.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 12-5-2021 của Toà án nhân dân thành phố TA, tỉnh LA.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Lê Ngọc H về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với ông Ngô Lê Duy.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Bùi Lê Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004984 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TA, tỉnh LA sang thi hành án phí.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Bùi Lê Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà bà H đã tạm nộp theo biên lai thu số 0005378 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TA, tỉnh LA.

[4] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh